TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày 16-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Dũng;

Bà Lê Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 07/2019/TLST-KDTM ngày 03/9/2019 về việc *"tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-KDTM ngày 22/02/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty W; địa chỉ: Số X đường Y, Khu Phát triển kinh tế D, thành phố W, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty TNHH K, địa chỉ: Số G khu phố T, đường D, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018). Công ty TNHH L ủy quyền cho: Bà Nguyễn Thị Phương H, địa chỉ: Số M, đường P, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2018). Bà H, bà A có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại S, địa chỉ: Lô M, Khu Công nghiệp Đ, Khu R, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Số R đường L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; chức danh: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty W (gọi tắt là nguyên đơn hay Công ty W) yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Ngày 05/6/2017, nguyên đơn và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại S (gọi tắt là bị đơn hay Công ty S) ký hợp đồng mua bán hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật theo Hợp đồng mua bán số KE6-056/06-17, giá trị hợp đồng 38.400 Đô-la Mỹ (USD). Sau khi ký kết hợp đồng, bên bán giao hàng theo quy định của hợp đồng. Mặc dù bên bán đã nhiều lần yêu cầu bên mua thanh toán tiền, nhưng bên mua không thanh toán tiền mua hàng và còn chuyển nhượng công ty cho cá nhân, tổ chức khác để trốn tránh trách nhiệm trả nợ, do vậy đã gây nhiều khó khăn, thiệt hại cho bên bán. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng gốc là 38.400 Đô - la Mỹ (USD) và tiền lãi do chậm trả tiền là 4.608 Đô - la Mỹ (USD), tổng cộng 43,008 Đô-la Mỹ (USD) (tương đương 980.797.440 đồng).

Ngày 08/12/2021 và tại các phiên hòa giải ngày 27/12/2021, ngày 04/01/2022, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày về cách tính lãi như sau: Thời điểm thanh toán là 90 ngày so với vận đơn, ngày vận đơn là 02/7/2017 nên thời hạn thanh toán là ngày 03/10/2017. Ngày nguyên đơn khởi kiện là ngày 05/6/2018. Ngày quá hạn tính từ ngày 03/10/2017 đến 05/6/2018 là 245 ngày. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu áp dụng là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng và tương đương 0.0274%/ngày (theo mức lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam). Tiền lãi tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày khởi kiện nguyên đơn yêu cầu là 245 ngày x 0.0274% x 38.400 Đô-la Mỹ (USD) = 2.577,8 Đô-la Mỹ (USD), tương đương 58.670.545,92 đồng. Tổng số tiền gốc, lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán là 38.400 Đô-la Mỹ (USD) (gốc) + 2.577,8 Đô-la Mỹ (USD) (lãi) = 40.977,8 Đô-la Mỹ (USD) tương đương 932.654.545,92 đồng.

** Bị đơn TNHH Sản xuất và Thương mại S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến.* Tại phiên hòa giải ngày 27/12/2021, ngày 04/01/2022, bà Nguyễn Thị Lệ là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Bị đơn cũng thừa nhận khoản nợ đối với nguyên đơn, nhưng do bà Lệ là người đại diện theo pháp luật sau này của bị đơn nên không biết rõ khoản nợ này. Do đang gặp khó khăn nên bị đơn đề xuất phương án hòa giải là bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 50% số tiền nợ gốc và không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về khoản nợ gốc, nhưng thay đổi yêu cầu mức lãi suất chậm trả là 3%/năm x 150% = 4,5%/năm trên số nợ gốc. Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến trình bày của đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ việc:

Tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số KE6-056/06-17 ngày 05/6/2017, các bên thỏa thuận chỉ định Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết tranh chấp, nhưng tổ chức trọng tài này không tồn tại trên thực tế. Điều này được xem là "*thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được*" được quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

Theo quy định tại Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì "*Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý; trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được*". Đối chiếu với quy định trên thì thấy rằng, do thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được nên việc Công ty W khởi kiện Công ty S tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với các quy định của pháp luật về trọng tài thương mại và các Điều 30, 35 và 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Hợp đồng mua bán số KE6-056/06-17 có quy định về thời hạn thanh toán là 90 ngày so với ngày vận đơn. Ngày vận đơn là ngày 02/7/2017. Đến ngày 05/6/2018 Công ty W nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

[1.3]. Về sự tham gia của các đương sự:

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Cả Trung Quốc và Việt Nam đều là những quốc gia thành viên của Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (sau đây gọi tắt là CISG). CISG có hiệu lực tại Trung Quốc từ năm 1988 và có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 01/01/2017. Điều 1.1.a của CISG quy định như sau: *"Công ước này áp dụng cho các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên có trụ sở thương mại tại các Quốc gia khác nhau.*

a. Khi các Quốc gia này là các Quốc gia thành viên của Công ước".

Hợp đồng mua bán số KE6-056/06-17 ngày 05/6/2017 được ký kết giữa một bên doanh nghiệp có trụ sở thương mại tại Việt Nam và một bên doanh nghiệp có trụ sở thương mại tại Trung Quốc. Do đó, CISG là luật áp dụng thay cho luật quốc gia. Đồng thời, khoản 1 Điều 5 Luật Thương mại năm 2005 có quy định: "*Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định áp dụng pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế hoặc có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó*".

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Hợp đồng mua bán số KE6-056/06-17 ngày 05/6/2017 có những nội dung không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã chứng minh được việc đã giao đầy đủ hàng hóa theo hợp đồng. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực I cung cấp bao gồm Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan), Văn bản đề nghị đưa hàng hóa về bảo quản của Công ty S, Hóa đơn thương mại, Danh mục đóng gói hàng hóa, Vận đơn và Giấy đăng ký kiểm tra Nhà nước chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu, thể hiện có việc Công ty S đã nhập khẩu và hoàn thành thủ tục thông quan 3.000 lít hóa chất AZOXYSTROBIN 250G/L + DIFENOCONAZOLE 150G/L (Có tên thương mại: ASMILATOP SUPER 400SC), trị giá 38.400 Đô-la Mỹ (USD) từ Công ty W (Trung Quốc). Nguyên đơn còn xuất trình Thư xác nhận thanh toán của Giám đốc Công ty S về khoản tiền hàng đã nhập khẩu này, trong đó Công ty S cam kết sẽ thanh toán khoản tiền 38.400 Đô-la Mỹ (USD) trước ngày 30/11/2017. Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo pháp luật của Công ty S thừa nhận các khoản nợ phải thanh toán cho Công ty W nhưng đề nghị được thanh toán 50% số nợ. Nguyên đơn không đồng ý nên kết quả hòa giải không thành. Như vậy, có cơ sở xác định Công ty S còn nợ khoản tiền 38.400 Đô-la Mỹ (USD) chưa thanh toán cho Công ty W. Do đây là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nên việc các bên thỏa thuận thanh toán bằng Đô-la Mỹ (USD) là không vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối. Theo quy định tại Điều 53, Điều 54 của CISG và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005, Công ty S có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền còn nợ.

[3.2.]. Về tiền lãi chậm thanh toán: Điều 78 của CISG và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 đều quy định bên bị vi phạm có quyền đòi tiền lãi trên số tiền chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày quá hạn thanh toán theo hợp đồng (từ ngày vận đơn 02/7/2017 + 90 ngày là đến ngày 03/10/2017) đến ngày nộp đơn khởi kiện (05/6/2018) là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng và không trái pháp luật. Về mức lãi suất, Hợp đồng mua bán số KE6-056/06-17 không quy định lãi suất chậm thanh toán. Theo yêu cầu ban đầu của nguyên đơn, mức lãi 10%/năm. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng*

hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Theo xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thì lãi suất cho vay trung bình trên thị trường do 3 ngân hàng lớn tại tỉnh Bình Dương bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông báo thì lãi suất cho vay ngoại tệ ngắn hạn đối với Đô-la Mỹ là 3%/năm. Mức lãi suất quá hạn: 3%/năm x 150% = 4,5%/năm. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu mức lãi suất 4,5%/năm phù hợp với mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường nên được chấp nhận như sau: 38.400 Đô-la Mỹ (USD) x 8 tháng 3 ngày x 4,5%/năm = 1.166,4 Đô-la Mỹ (USD).

[4]. Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010; Điều 4 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

Áp dụng các Điều 30, 35, 37, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 1.1.a và các Điều 53, 54, 78 của Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG); khoản 1 Điều 5 và các Điều 11, 50, 306, 319 Luật Thương mại năm 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty W về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Buộc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại S phải thanh toán cho Công ty W các khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán số KE6-056/06-17 ngày 05/6/2017, bao gồm:

- Khoản tiền nợ hàng hóa: 38.400 Đô-la Mỹ.
- Khoản tiền lãi chậm thanh toán: 1.166,4 Đô-la Mỹ.

Cộng hai khoản: 39.566,4 Đô-la Mỹ.

Hình thức thanh toán: Điện chuyển tiền.

Trường hợp các khoản tiền trên được thanh toán trực tiếp trên lãnh thổ Việt Nam thì được quy đổi thành tiền Đồng Việt Nam theo tỷ giá trung tâm của

Đồng Việt Nam với Đô-la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Công ty W không phải chịu án phí, được nhận lại 20.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0026760 ngày 12/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

- Công ty TNHH Sản Xuất và Thương mại S phải chịu án phí là 39.500.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA, Tòa KT, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Công Lực